

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Số: 19 /2016/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung mức thu lệ phí hộ tịch và quy định mức thu tiền
bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung mức thu lệ phí hộ tịch và mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung mức thu lệ phí hộ tịch và quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung mức thu lệ phí hộ tịch tại Mục Ia Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:



a) Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Khai sinh, khai tử: 5.000 đồng.
- Kết hôn: 20.000 đồng.
- Nhận cha, mẹ, con: 10.000 đồng.
- Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 3.000 đồng.
- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi: 10.000 đồng.
- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 10.000 đồng.
- Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: 5.000 đồng.
- Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 5.000 đồng.

b) Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Khai sinh, khai tử: 50.000 đồng.
- Kết hôn: 1.000.000 đồng.
- Nhận cha, mẹ, con: 1.000.000 đồng.
- Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 5.000 đồng.
- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc: 25.000 đồng.
- Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 50.000 đồng.
- Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 50.000 đồng.
- Giám hộ: 50.000 đồng.

c) Các nội dung khác liên quan đến lệ phí hộ tịch không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 50% (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa. Trong đó:

a) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

b) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Các nội dung khác liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 8 năm 2016.

Quyết định này bãi bỏ Mục Ia Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. TĐ

E2016\qdpq\STC_sua doi le phi ho tinh
tuyen bao ve dat lua 2016



Lữ Văn Hùng